

MODULE 14: EXPRESSIONS OF QUANTITY

• Thường nằm trong phần gap filling

Cách dùng	MANY	MUCH
Diễn đạt ý nghĩa là "NHIỀU"	- MANY = a large number of/ a great many/ a majority of/ a wide variety of/ a wide range of - Dùng với danh từ đếm được .	MUCH = a great deal of/ a large amount of... - Dùng với danh từ không đếm được .
	MANY + MUCH = A lot of/ lots of/ plenty of/ a (large) quantity of (Dùng với cả danh từ cả đếm được và không đếm được).	
Diễn đạt ý nghĩa là "MỘT ÍT"	A FEW - Dùng với danh từ đếm được.	A LITTLE - Dùng với danh từ không đếm được.
Diễn đạt ý nghĩa là "HẦU NHƯ KHÔNG/ RẤT ÍT"	FEW - Dùng với danh từ đếm được.	LITTLE - Dùng với danh từ không đếm được.
Diễn đạt ý nghĩa là "MỘT VÀI"	SOME - Dùng trong câu khẳng định và trong câu nghi vấn khi mang ý mời/ đề nghị.	ANY - Dùng trong câu phủ định, nghi vấn và dùng trong câu khẳng định khi nó mang ý nghĩa là "bất cứ".
Diễn đạt ý nghĩa là "TẤT CẢ"	ALL - Dùng để chỉ từ ba người/vật (tất cả) trở lên.	BOTH - Dùng để chỉ cả hai người/vật (cả hai).
Diễn đạt ý nghĩa là "KHÔNG"	NONE - Dùng để chỉ từ ba người/vật trở lên đều không.	NEITHER/EITHER - Dùng để chỉ cả hai người/vật đều không. Trong đó: + Neither: dùng trong câu khẳng định. + Either: dùng trong câu phủ định.
Diễn đạt ý nghĩa là "HẦU HẾT"	MOST Most + N = most of + the/tính từ sở hữu + N Most people Most of the Vietnamese people Lưu ý: MOSTLY (chủ yếu là): dùng như một trạng từ ALMOST (gần như): dùng như một trạng từ bổ trợ cho động từ, tính từ, danh từ.	MOST OF
Diễn đạt ý nghĩa là "MỖI/MỌI"	EACH EACH/EVERY: dùng với danh từ đếm được số ít	EVERY - Dùng với danh từ số nhiều khi có số lượng cụ thể.
Diễn đạt ý nghĩa là "CÁI KHÁC/NGƯỜI KHÁC"	OTHER - Other + danh từ không đếm được. - Other + danh từ số nhiều	ANOTHER - Another + danh từ số ít - Another + one - Another + số đếm + danh từ số nhiều

Basic Grammar in use (Grammar)

	- Other + ones - Others được sử dụng như đại từ. Lưu ý: Phân biệt “other” và “others”: - Theo sau “other” thường là một danh từ hoặc đại từ. - Mặt khác “others”, bản thân nó là một đại từ và theo sau nó không có bất kì một danh từ nào cả. Sự khác nhau giữa THE OTHER - THE OTHERS: - The other: cái còn lại trong hai cái, hoặc người còn lại trong hai người,... - The others: những cái còn lại hoặc những người còn lại trong một nhóm có nhiều thứ hoặc nhiều người.	- Another được sử dụng như đại từ
--	--	--